

Số: 22/2026/NQ-HĐND

Hưng Yên, ngày 09 tháng 7 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và mức vốn đối ứng từ ngân sách cấp tỉnh, ngân sách cấp xã để thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 162/2024/QH15 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025-2035;

Căn cứ Nghị quyết số 163/2024/QH15 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy đến năm 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 249/2025/QH15 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia hiện đại hóa, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2026-2035;

Căn cứ Nghị quyết số 257/2025/QH15 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035;

Căn cứ Nghị quyết số 262/2025/QH15 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển giai đoạn 2026-2035;

Căn cứ Nghị định số 358/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 41/2025/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025-2035;

Căn cứ Quyết định số 05/2026/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 16/2026/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách của địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030;

Xét Tờ trình số 203/TTr-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn ngân sách Nhà nước, mức vốn đối ứng từ ngân sách cấp tỉnh, ngân sách cấp xã thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; Báo cáo thẩm tra số 410/BC-KTNS ngày 07 tháng 7 năm 2026 của Ban Kinh tế-Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận và kết quả biểu quyết của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước, mức vốn đối ứng từ ngân sách cấp tỉnh, ngân sách cấp xã thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và mức vốn đối ứng từ ngân sách cấp tỉnh, ngân sách cấp xã thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật; định kỳ hằng năm báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh kết quả thực hiện.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 7 năm 2026.

2. Kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực, các Nghị quyết sau hết hiệu lực thi hành:

a) Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Thái Bình, giai đoạn 2022-2025.

b) Nghị quyết số 10/2022/NQ-HĐND ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương, mức vốn đối ứng ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Thái Bình.

c) Nghị quyết số 07/2023/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Điều 4 Quy định nguyên tắc tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương, mức đối ứng ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Thái Bình ban hành kèm theo Nghị quyết số 10/2022/NQ-HĐND ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

d) Nghị quyết số 22/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 3 Điều 5 Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Thái Bình, giai đoạn 2022-2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên Khóa XVIII, Kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 09 tháng 7 năm 2026./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban Công tác đại biểu của Quốc hội;
- Bộ Công an;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Vụ Pháp chế);
- Bộ Tài chính (Vụ Pháp chế);
- Bộ Y tế (Vụ Pháp chế);
- Bộ Giáo dục & Đào tạo (Vụ Pháp chế);
- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Vụ Pháp chế);
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật);
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các vị đại biểu HĐND tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Sở Tư pháp (Cơ sở dữ liệu Quốc gia về pháp luật);
- Kiểm toán Nhà nước khu vực XI;
- Kho bạc Nhà nước khu vực IV;
- Đảng ủy, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các xã, phường;
- Trung tâm Thông tin - Hội nghị tỉnh Hưng Yên;
- Công thông tin điện tử UBND tỉnh Hưng Yên;
- Báo và PTTH Hưng Yên;
- Lưu: VT, CV^{Miền}.

CHỦ TỊCH

Trần Quốc Văn

QUY ĐỊNH

**Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước
và mức vốn đối ứng từ ngân sách cấp tỉnh, ngân sách cấp xã thực hiện
các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026-2030
trên địa bàn tỉnh Hưng Yên**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 22/2026/NQ-HĐND)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và mức vốn đối ứng từ ngân sách cấp tỉnh, ngân sách cấp xã thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên. Các chương trình mục tiêu quốc gia gồm: Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025-2035; Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy đến năm 2030; Chương trình mục tiêu quốc gia hiện đại hóa, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2026-2035; Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030; Chương trình mục tiêu quốc gia chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển giai đoạn 2026-2035.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, đơn vị sử dụng vốn ngân sách nhà nước để thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia.
- Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan.

Chương II

NGUYÊN TẮC, TIÊU CHÍ VÀ ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THUỘC CẤP TỈNH QUẢN LÝ

Điều 3. Nguyên tắc phân bổ vốn ngân sách nhà nước

- Phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026-2030 phải tuân thủ quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước, quy định của các chương trình mục tiêu quốc gia và các quy định pháp luật liên quan.
- Quản lý vốn tập trung; lồng ghép nguồn vốn các chương trình mục tiêu quốc gia để phân bổ cho các cơ quan, đơn vị, địa phương; đảm bảo phân bổ vốn có trọng tâm, trọng điểm nhằm tạo đột phá phát triển kinh tế, xã hội, không phân tán, dàn trải; phát huy vai trò dẫn dắt của vốn ngân sách nhà nước nhằm thu hút đầu tư tư nhân, huy động tối đa nguồn lực để thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ của các chương trình mục tiêu quốc gia.

3. Việc phân bổ vốn phải bám sát mục tiêu, nhiệm vụ của các chương trình mục tiêu quốc gia; phù hợp với các quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội địa phương; phù hợp với dự toán ngân sách trung ương hỗ trợ, khả năng cân đối nguồn vốn ngân sách địa phương; đảm bảo không trùng lặp với các nhiệm vụ, dự án đã được phân bổ từ các chương trình, dự án khác đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Ưu tiên bố trí vốn cho các nhiệm vụ, dự án thực hiện đa mục tiêu (vừa thực hiện mục tiêu của các chương trình mục tiêu quốc gia, vừa thực hiện tiêu chí xây dựng nông thôn mới).

4. Phân bổ vốn cho các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia hằng năm phải căn cứ trên kết quả đánh giá tình hình thực hiện, giải ngân vốn ngân sách nhà nước trong giai đoạn 2021-2025 hoặc các năm trước liền kề. Đối với vốn đầu tư công phân bổ phải chi tiết theo danh mục nhiệm vụ, dự án và mức vốn bố trí cho từng nhiệm vụ, dự án, bao gồm các thông tin như: tên dự án, chủ đầu tư, địa điểm thực hiện, cơ cấu nguồn vốn, quy mô, tổng mức đầu tư, thời gian thực hiện, các thông tin có liên quan theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 10 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia. Hằng năm, căn cứ kết quả giải ngân và khả năng thực hiện, cấp có thẩm quyền xem xét điều chuyển kế hoạch vốn từ các nhiệm vụ, dự án thuộc chương trình mục tiêu quốc gia có tỷ lệ giải ngân thấp, không có khả năng giải ngân hết kế hoạch sang các nhiệm vụ, dự án có nhu cầu bổ sung vốn và có khả năng giải ngân hết kế hoạch vốn, theo đúng quy định của pháp luật.

5. Đối với nguồn vốn phân bổ cho các nhiệm vụ, dự án do cấp xã thực hiện, được phân bổ bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp xã; Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm lập, thẩm định, quyết định dự án đầu tư (không phải quyết định chủ trương đầu tư theo quy định tại Khoản 6, Điều 19 Luật Đầu tư công), dự toán kinh phí sự nghiệp, quản lý và sử dụng nguồn vốn được hỗ trợ hiệu quả, đúng quy định; chủ động cân đối, bố trí đủ nguồn vốn ngân sách cấp xã hoặc các nguồn vốn huy động hợp pháp khác cho phần còn thiếu trong tổng mức đầu tư, tổng kinh phí thực hiện nhiệm vụ, dự án; tuyệt đối không để xảy ra tình trạng nợ đọng xây dựng cơ bản.

6. Trường hợp có thành lập, nhập, chia đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính các địa phương hằng năm, việc phân bổ vốn ngân sách nhà nước cho các đơn vị mới thực hiện theo nguyên tắc:

a) Đối với địa phương mới được thành lập, nhập từ hai đơn vị trở lên: phân bổ vốn ngân sách nhà nước bằng mức đã phân bổ cho các địa phương trước khi thành lập, nhập đơn vị hành chính, bảo đảm việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, hoạt động, dự án được liên tục, có tính kế thừa, không gián đoạn.

b) Đối với các địa phương mới được chia đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính: phân bổ vốn ngân sách nhà nước tương ứng theo các nhiệm vụ, nội dung, hoạt động, dự án từ đơn vị trước khi chia đơn vị hành chính cho đơn vị mới theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

7. Bảo đảm công khai, minh bạch, công bằng trong việc phân bổ vốn; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền; đơn giản hóa thủ tục hành chính trong quản lý và sử dụng vốn theo quy định pháp luật; đẩy mạnh phòng chống tham nhũng, thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí, nâng cao hiệu quả nguồn vốn nhà nước.

Điều 4. Tiêu chí phân bổ vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 và hằng năm thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia

1. Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy

Phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy để hỗ trợ cơ sở cai nghiện ma túy nâng cấp, sửa chữa, bổ sung trang thiết bị, phương tiện và xây mới nhà ở cho học viên cai nghiện, khu cho người mắc bệnh truyền nhiễm, khu lao động trị liệu, khu hành chính... đáp ứng điều kiện theo quy định; hỗ trợ nâng cấp sửa chữa, bổ sung trang thiết bị, phương tiện cho đơn vị sự nghiệp công lập được giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng.

2. Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

Phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi để hỗ trợ, đầu tư các nhiệm vụ, dự án trên địa bàn nông thôn, cụ thể như sau:

a) Nhiệm vụ, dự án của các xã quản lý, bao gồm: ưu tiên cơ sở hạ tầng giao thông nông thôn; giao thông, thủy lợi nội đồng; cơ sở vật chất, trang thiết bị giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông; hạ tầng thương mại nông thôn; hạ tầng công nghệ thông tin, hệ thống truyền thanh xã; hạ tầng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải; hạ tầng ổn định dân cư vùng thiên tai.

b) Nhiệm vụ, dự án trọng tâm, trọng điểm, có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững, bao gồm: hạ tầng phục vụ bảo quản, sơ chế, chế biến, cung ứng, thu mua nông sản theo hướng hiện đại, bền vững, gắn với vùng sản xuất hàng hóa, vùng nguyên liệu tập trung; hạ tầng phát triển làng nghề truyền thống gắn với du lịch và xây dựng nông thôn mới; hạ tầng phục vụ phát triển hợp tác xã hiệu quả, hiện đại, có ứng dụng công nghệ cao, chuyển đổi số trong sản xuất, kinh doanh, có liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm với doanh nghiệp; hạ tầng phát triển du lịch nông thôn tại các điểm, khu du lịch trên địa bàn tỉnh và đầu tư cơ sở vật chất giáo dục nghề nghiệp theo hướng hiện đại, chuẩn hóa, số hóa.

3. Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa

Phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa để hỗ trợ, đầu tư các nhiệm vụ, dự án quan trọng, cấp thiết trong bảo tồn, phát huy các giá trị di sản văn hóa, phát triển con người toàn diện; hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hóa các cấp và các dự án khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa.

4. Chương trình mục tiêu quốc gia hiện đại hóa, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo

Phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia hiện đại hóa, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo để đầu tư bảo đảm cơ sở vật chất, trang thiết bị đáp ứng yêu cầu thực hiện chương trình giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông; hiện đại hóa giáo dục nghề nghiệp để tăng quy mô và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực có kỹ năng nghề; tăng cường cơ sở vật chất, nâng cấp và hiện đại hóa các cơ sở giáo dục đại học để ngang tầm khu vực và thế giới, nâng cao năng lực đào tạo nhân lực chất lượng cao, phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

5. Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển

Phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển để hỗ trợ, đầu tư hệ thống trạm y tế các xã, phường, trung tâm kiểm soát bệnh tật (CDC) theo quy định của Chương trình do Quốc hội, Bộ Y tế ban hành.

Điều 5. Định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia

1. Đối với kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách Trung ương hỗ trợ được Thủ tướng Chính phủ giao đầu kỳ giai đoạn 2026-2030

Ưu tiên phân bổ vốn đầu tư công để thực hiện các nhiệm vụ, dự án thuộc chương trình mục tiêu quốc gia theo chỉ đạo điểm của Trung ương, của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân tỉnh (nếu có). Phần còn lại được phân bổ cho các cơ quan, đơn vị, địa phương theo định mức như sau:

a) Phân bổ 100% vốn đầu tư công nguồn ngân sách Trung ương hỗ trợ thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy (nếu có) để thực hiện nhiệm vụ, dự án theo tiêu chí quy định tại khoản 1 Điều 4 Quy định này.

b) Phân bổ 50% vốn đầu tư công nguồn ngân sách Trung ương hỗ trợ thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi cho các cơ quan, đơn vị, địa phương (theo phân cấp quản lý công trình) để thực hiện nhiệm vụ, dự án theo tiêu chí quy định tại điểm b khoản 2 Điều 4 Quy định này.

c) Đối với 50% vốn đầu tư công nguồn ngân sách Trung ương hỗ trợ thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi còn lại được lồng ghép với các chương trình mục tiêu quốc gia khác phân bổ cho các cơ quan, đơn vị, địa phương để thực hiện các nhiệm vụ, dự án theo tiêu chí quy định tại điểm a khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều 4 Quy định này, với định mức phân bổ như sau:

Phân bổ tối đa 10% tổng kế hoạch vốn cho các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh để thực hiện các nhiệm vụ, dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia do cấp tỉnh quản lý.

Phân bổ tối thiểu 90% tổng kế hoạch vốn cho các xã, phường để thực hiện các nhiệm vụ, dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia do cấp xã quản lý, với định mức phân bổ vốn được tính theo quy mô dân số, diện tích, tỷ lệ hộ nghèo đa chiều, số thu ngân sách trên địa bàn xã và theo phân loại đơn vị hành chính.

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

Việc phân bổ vốn theo quy định tại điểm này được xác định trên cơ sở rà soát, đánh giá nhu cầu thực tế của các cơ quan, đơn vị, địa phương; khả năng cân đối nguồn vốn thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; đảm bảo phân bổ vốn tập trung để đầu tư hoàn thành nhiệm vụ, dự án, tránh dàn trải; phù hợp với tính chất nguồn vốn của từng chương trình mục tiêu quốc gia và tổng mức vốn phân bổ không vượt mức vốn theo định mức phân bổ hỗ trợ cho các cơ quan, đơn vị, địa phương theo quy định.

2. Đối với kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia được Thủ tướng Chính phủ giao bổ sung trong giai đoạn 2026-2030 (ngoài số vốn giao đầu kỳ quy định tại Điều 5 Quy định này); kế hoạch vốn ngân sách tỉnh cân đối, bố trí đối ứng và kế hoạch vốn điều chỉnh từ các nhiệm vụ, dự án của các cơ quan, đơn vị, địa phương trong quá trình thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia: Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn theo Điều 3, Điều 4 Quy định này và trên cơ sở đề xuất của các cơ quan, đơn vị, địa phương, tình hình, tiến độ thực hiện của các chương trình mục tiêu quốc gia, xây dựng phương án phân bổ cụ thể, trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định đề triển khai thực hiện theo đúng quy định.

Điều 6. Tiêu chí, mức phân bổ kinh phí sự nghiệp nguồn ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia

Căn cứ vào khả năng nguồn kinh phí sự nghiệp ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia được Thủ tướng Chính phủ giao hằng năm; hướng dẫn của các Bộ, ngành trung ương về quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp nguồn ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; trên cơ sở tình hình, tiến độ thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh và nhu cầu kinh phí sự nghiệp theo đề xuất của các cơ quan, đơn vị, địa phương; Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng tiêu chí, mức kinh phí phân bổ hằng năm cho các cơ quan, đơn vị, địa phương, trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định đề triển khai thực hiện, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, đúng tính chất nguồn vốn, đúng nguyên tắc phân bổ vốn theo Điều 3 Quy định này.

Chương III

MỨC VỐN ĐỐI ƯNG TỪ NGÂN SÁCH CẤP TỈNH, NGÂN SÁCH CẤP XÃ THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA

Điều 7. Mức vốn đối ứng từ ngân sách cấp tỉnh

Ngân sách cấp tỉnh chủ động cân đối, bố trí kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 và hằng năm để đối ứng vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh như sau:

1. Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy: cùng với kế hoạch vốn đầu tư công nguồn ngân sách trung ương hỗ trợ đầu tư dự án thuộc Chương trình (*nếu có*); ngân sách cấp tỉnh bố trí phần còn lại đảm bảo hoàn thành dự án theo đúng tiến độ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: tỷ lệ vốn đối ứng tối thiểu của ngân sách cấp tỉnh so với tổng vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ cho tỉnh thực hiện Chương trình là 156%.

3. Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa: tỷ lệ vốn đối ứng tối thiểu của ngân sách cấp tỉnh so với tổng vốn ngân sách trung ương hỗ trợ cho tỉnh thực hiện Chương trình là 30%.

4. Chương trình mục tiêu quốc gia hiện đại hóa, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo: tỷ lệ vốn đối ứng tối thiểu của ngân sách cấp tỉnh so với tổng vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ cho tỉnh thực hiện theo Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện hương trình mục tiêu quốc gia hiện đại hóa, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2026-2030 được Thủ tướng Chính phủ ban hành.

5. Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển: Tỷ lệ vốn đối ứng tối thiểu của ngân sách cấp tỉnh so với tổng vốn ngân sách trung ương hỗ trợ cho tỉnh thực hiện theo Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển giai đoạn 2026-2035.

Điều 8. Mức vốn đối ứng từ ngân sách cấp xã

Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã cân đối, bố trí nguồn vốn ngân sách cấp xã để đối ứng nguồn ngân sách Trung ương hỗ trợ, đảm bảo hoàn thành các nhiệm vụ, dự án thuộc cấp mình quản lý theo đúng tiến độ, thời gian quy định. Trường hợp các xã khó khăn về nguồn thu ngân sách, không có khả năng bố trí nguồn vốn đối ứng thì ngân sách cấp tỉnh bố trí vốn hỗ trợ để hoàn thành các nhiệm vụ, dự án nêu trên, không để xảy ra nợ đọng xây dựng cơ bản./.

PHỤ LỤC
ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ KẾ HOẠCH VỐN CHO CÁC XÃ, PHƯỜNG
(Kèm theo Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 22/2026/NQ-HĐND)

I. XÁC ĐỊNH SỐ ĐIỂM ĐỂ TÍNH ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ

1. Xác định số điểm theo quy mô dân số

Căn cứ dân số trung bình của các xã, phường trên địa bàn tỉnh được tính theo số liệu công bố của Thống kê tỉnh Hưng Yên năm 2025; xã, phường có dân số trung bình dưới 20.000 người được tính 10 điểm; xã, phường còn lại cứ tăng 10.000 người được cộng thêm 01 điểm.

2. Xác định số điểm theo quy mô diện tích

Căn cứ diện tích đất tự nhiên của các xã, phường trên địa bàn tỉnh được tính theo số liệu công bố của Thống kê tỉnh Hưng Yên năm 2025; xã, phường có diện tích đất tự nhiên dưới 20km² được tính 10 điểm; xã, phường còn lại cứ tăng 15km² được cộng thêm 01 điểm.

3. Xác định số điểm theo tỷ lệ hộ nghèo đa chiều

Căn cứ tỷ lệ hộ nghèo của các xã, phường theo Quyết định số 2226/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo định kỳ năm 2025 tỉnh Hưng Yên; xã, phường cứ có 1% hộ nghèo đa chiều được tính 01 điểm.

4. Xác định số điểm theo số thu ngân sách trên địa bàn xã

Căn cứ số thu ngân sách trên địa bàn các xã, phường trên địa bàn tỉnh (không bao gồm các khoản thu từ tiền sử dụng đất, xổ số kiến thiết) theo dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2026 do Hội đồng nhân dân tỉnh giao tại Nghị quyết số 789/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu chi ngân sách địa phương năm 2026; xã, phường có số thu ngân sách từ 80 tỷ đồng trở lên được tính 10 điểm; xã, phường còn lại cứ thấp hơn 15 tỷ đồng được cộng thêm 01 điểm.

5. Xác định số điểm theo phân loại đơn vị hành chính

Căn cứ danh mục các xã, phường thực hiện sắp xếp chính quyền địa phương 02 cấp theo Nghị quyết số 1666/NQ-UBTVQH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Hưng Yên năm 2025; đối với phường được tính 8 điểm; đối với xã được sắp xếp từ các xã và thị trấn (trước ngày 01 tháng 7 năm 2025) được tính 10 điểm và xã còn lại được tính 12 điểm.

II. PHƯƠNG PHÁP TÍNH ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ

Căn cứ các nội dung tính điểm nêu trên để tính ra số điểm cho từng xã, phường và tổng số điểm các xã, phường trên địa bàn tỉnh làm căn cứ để phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công nguồn ngân sách trung ương để hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách các xã, phường thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

Số điểm của mỗi xã, phường là tổng số điểm tính theo quy mô dân số, quy mô diện tích, tỷ lệ hộ nghèo đa chiều, số thu ngân sách và phân loại đơn vị hành chính và được tính cố định trong cả giai đoạn 2026-2030.

Tổng số vốn đầu tư công phân bổ cho các xã, phường được tính như sau:

$$Vi = Xi \times Z$$

Trong đó:

- Vi là định mức vốn đầu tư công phân bổ cho xã thứ i;
 - Xi là tổng số điểm của xã thứ i (được tính theo mục I Phụ lục này);
 - Z là số vốn trung bình tính cho 1 điểm (được tính bằng tổng số vốn đầu tư công chia cho tổng số điểm của 104 xã, phường tính theo mục I Phụ lục này).
-